Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Tiến Dũng
2. Ngày tháng năm sinh: 06/05/1979; Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An (nay là Đông Thành, Yên Thành, Nghệ An)
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 14 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1202, Nhà A1, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội, Số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại nhà riêng: 0911682929; Điện thoại di động: 0912304113;
E-mail: trantd.vn@gmail.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ 06/2002 đến 09/2002: Nhân viên tập sự tại Viện Công nghệ Thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam
Từ 09/2002 đến 03/2003: Giáo viên tập sự tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường CĐ Công nghiệp Hà Nội
Từ 04/2003 đến 05/2006: Giáo viên trung học tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường CĐ Công nghiệp Hà Nội
Từ 06/2006 đến 02/2011: Giảng viên tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
Từ 02/2011 đến 02/2014: Nghiên cứu sinh học bổng Chính phủ 322/911 tại ĐH Ulsan, Hàn Quốc
Từ 03/2014 đến 03/2015: Giảng viên tại Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
Từ 04/2015 đến 08/2016: Giảng viên, Trưởng Phòng Công nghệ Thông tin tại Viện Công nghệ HaUI, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
Từ 06/2015 đến 08/2015: Visiting researcher tại ĐH Ulsan, Hàn Quốc
Từ 09/2016 đến 04/2021: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Công nghệ Phần mềm tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Từ 04/2021 đến 06/2023: Giảng viên, Phó Trưởng Khoa tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Từ 07/2023 đến 12/2024: Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa tại Khoa Công nghệ Thông tin, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Từ 01/2025 đến 06/2025: Giảng viên chính, Phó Hiệu trưởng tại Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Phó Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội, Bộ Công thương

Địa chỉ cơ quan: Số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.7655.391

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Đương chức

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 06 năm 2002, số văn bằng: 384732, ngành: Toán – Tin ứng dụng, chuyên ngành: Hệ thống thông tin quản lý

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): ĐH Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 03 tháng 04 năm 2006, số văn bằng: 001709, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): ĐH Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 21 tháng 02 năm 2014, số văn bằng: 1234, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): ĐH Ulsan, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1- Khoa học mạng lưới – Mạng sinh học phân tử

2- Khoa học mạng lưới – Mạng phức hợp vĩ mô

3- Tối ưu hóa tổ hợp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 6, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đạt tiêu chuẩn nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	
1	2019 - 2020			1	4	360	60	420/661.8/216
2	2020 - 2021			1	15	502.5	60	562.5/719/216
3	2021 - 2022				31	105	60	165/567.5/245
03 năm học cuối								
4	2022 - 2023			1	12	157.5	30	187.5/342.5/245
5	2023 - 2024				30		135	135/550.7/245
6	2024 - 2025	1	1		23		135	135/546.68/245

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hàn Quốc năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL 523 (Đạt tiêu chuẩn học bổng chính phủ 322/911 năm 2010)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Mạnh Quang		X	X		03/2019 đến 08/2020	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	14/08/2020
2	Umvong Kiengcay		X	X		03/2020 đến 11/2020	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	30/11/2020
3	Nguyễn Thanh Tùng		X	X		10/2021 đến 02/2023	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	14/2/2023
4	Trần Anh Tuấn		X	X		12/2014 đến 09/2015	Học viện Kỹ thuật Quân sự	7/9/2015
5	Nguyễn Minh Tân	X			X	09/2017 đến 12/2024	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội	30/12/2024
6	Phạm Đức Tĩnh	X		X		12/2018 đến 11/2024	Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn Lâm Khoa Học và Công Nghệ VN	01/11/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							

1	Cancer under the view of systems biology	CK	LAP LAMBERT Academic Publishing, năm 2019	1	MM	(Toàn bộ 4 Chương (trang 1-68))	32202515/GXN-ĐHCN ngày 3/2/2025
2	Giáo trình Lập trình Java nâng cao.	GT	NXB Giáo Dục Việt Nam, năm 2025	2	CB	(Chương 1, 2, 3 (trang 1-81))	36/GXN-ĐHCN ngày 9/6/2025; QĐ 703/QĐ-ĐHCN ngày 12/5/2025
3	Giáo trình Đảm bảo chất lượng phần mềm.	GT	NXB Giáo Dục Việt Nam, năm 2024	3	VC	(Chương 4, 5 (trang 82-120))	35/GXN-ĐHCN ngày 9/6/2025; QĐ 1317/QĐ-ĐHCN ngày 20/9/2024
4	Giáo trình Quản lý dự án Công nghệ Thông tin.	GT	NXB Thống Kê, năm 2022	2	CB	(Chương 1, 2, 3, 4, 5 (trang 3-114))	33/GXN-ĐHCN ngày 9/6/2025
5	Giáo trình Công cụ và Môi trường Phát triển phần mềm	GT	NXB Thống Kê, năm 2019	3	CB	(Chương 1, 2 (trang 3-65))	34/GXN-ĐHCN ngày 9/6/2025
6	Thực hành phát triển ứng dụng trên thiết bị di động với các cơ sở dữ liệu Firebase.	HD	NXB Giao Thông Vận Tải., năm 2020	3	CB	(Chương 1, 2 (trang 7-34))	37/GXN-ĐHCN ngày 9/6/2025

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	NAFOSTED: Các phương pháp phân tích dữ liệu hệ gene liên quan đến bệnh ung thư trên mạng sinh học	CN	102.04-218.304, cấp Bộ	01/04/2019 đến 13/09/2023	13/9/2023/Đạt
2	Cấp trường: Nghiên cứu ứng dụng mô hình dạy học dựa trên dự án cho sinh viên chuyên ngành Kĩ thuật phần mềm.	CN	7-2018-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Cơ sở	1/6/2018 đến 26/9/2019	26/9/2019/Khá
3	Cấp trường: Một nghiên cứu ở Đại học Công nghiệp Hà Nội về khám nghiệm dữ liệu hệ gene của bệnh ung thư.	CN	7-2017-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Cơ sở	1/6/2017 đến 26/10/2018	26/10/2018/Xuất sắc
4	Cấp trường: Phát triên công nghệ phân tích quy trình nghiệp vụ theo mô hình mạng phức hợp.	CN	8-2016-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Cơ sở	1/4/2016 đến 24/4/2017	24/4/2017/Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	The relationship between modularity and robustness in signalling networks	2	Có	Journal of The Royal Society Interface	Thuộc danh mục tạp chí ISI có uy tín 151/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 09-08-2019 - SCI *IF: 5,264, Q1*	40	Vol10, 88, 20130771	11/2013
2	Xây dựng thuật toán di truyền cho bài toán ra	3	Không	Xây dựng thuật toán di truyền cho bài toán ra		2	Vol1, 1, 28 - 38	08/2005

	đề thi tự động và tối ưu			đề thi tự động và tối ưu				
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
3	Identification of Policy Regions Using a Network-Based Method: A Case Study of Regional Planning in Vietnam	2	Có	Asia-Pacific Journal of Regional Science	- ESCI *IF: 2.524 (2024), Q2*		Chờ accepted/ online	06/2025
4	Drivergene.net: A Cytoscape app for the identification of driver nodes of large-scale complex networks and case studies in discovery of drug target genes	2	Có	Computers in Biology and Medicine	Thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín 95/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 30-12-2021 - SCIE *IF: 8,981, Q1*	1	Vol 179, 1, 108888	07/2024
5	TTNet: a novel machine learning model for facial emotion detection in online learning systems	1	Có	SoftwareX	Thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín 95/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 30-12-2021 - SCIE *IF: 2,973, Q3*	2	Vol 27, 1, 101787	06/2024
6	Two Embedding Algorithms in Schur-based Image Watermarking Scheme	3	Không	Ad Hoc Networks	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Vol 1, 1, 25 - 40	01/40

7	C-Biomarker.net: A Cytoscape app for the identification of cancer biomarker genes from cores of large biomolecular networks	2	Có	BioSystems	Thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín 95/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 30-12-2021 - SCIE *IF: 1,967, Q3*	4	Vol 226, 1, 104887	03/2023
8	A network-based analysis of a workflow at Hanoi University of Industry	2	Có	Hội nghị KHCN Quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)			Vol 1, 1, 171 - 178	11/2022
9	Network approaches for identification of human genetic disease genes	2	Có	Vietnam Journal of Science and Technology	- Scopus *IF: 0,282, Q4*	2	Vol 60, 4, 700-712	06/2022
10	Identification of cancer rules in Viet Nam by network modularity	4	Có	Vietnam Journal of Science and Technology	- Scopus *IF: 0,282, Q4*	1	Vol 60, 6, 1134-1148	03/2022
11	SVM-variant: a machine learning algorithm for fake news detection on a real dataset	2	Có	Hội thảo quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ Thông tin, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật			Vol 1, 1, 219 - 226	12/2022
12	Dự đoán các điểm đón taxi trong thành phố bằng thuật toán PageRank	2	Có	Hội thảo quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ Thông tin, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật			Vol 1, 1, , 64 - 68	12/2021
13	Xác định gen mục tiêu thuốc ung thư bằng một mô hình động lực cạnh tranh mạng	3	Có	Hội thảo quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ Thông tin, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật			Vol 1, 1, 622 - 628	12/2021
14	Identifcation of anticancer drug target genes using an outside competitive	2	Có	Scientific Reports	Thuộc danh mục tạp chí ISI có uy tín 151/QĐ-HĐQL-	10	Vol 11, 1, 14095	07/2021

	dynamics model on cancer signaling networks				NAFOSTED 09-08-2019 - SCIE *IF: 4,937, Q1*			
15	Analyzing cancer data in North Vietnam by complex network technique	4	Có	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	Vol 19, 12.2, 2021	12/2021
16	A Cooperative Learning Model Combines between PBL and CDIO	1	Có	JST: Engineering and Technology for Sustainable Development	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Vol 32, 1, 079 - 085	03/2022
17	Ứng dụng mạng phức hợp trong khai phá dữ liệu tương tác người dùng	2	Có	Hội nghị KHCN Quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)			Vol 1, 1, 649 - 655	01/2020
18	Phân tích hệ gen virus nCoV bằng khoa học mạng lưới	2	Có	Hội thảo quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ Thông tin, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật			Vol 1, 1, 382 - 387	11/2020
19	Hierarchical closeness-based properties reveal cancer survivability and biomarker genes in molecular signaling networks	2	Có	PLoS One	Thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín 151/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 09-08-2019 - SCIE *IF: 3,12, Q1*	10	Vol 13, 6, e0199109	06/2018
20	Phát triển một ứng dụng di động hỗ trợ học tiếng anh bằng công nghệ nhận dạng ký tự quang học	3	Có	Kỷ yếu hội nghị khoa học HaUI			Vol1, 1, 110 - 117	12/2018
21	MORO: a Cytoscape app for relationship analysis between modularity and robustness in	3	Không	BMC Systems Biology	Thuộc danh mục tạp chí ISI có uy tín 151/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 09-08-2019	10	Vol 10, 4, 122	10/2016

	large-scale biological networks				- SCIE *IF: 2,537, Q1*			
22	Hierarchical closeness efficiently predicts disease genes in a directed signaling network	2	Có	Computational biology and chemistry	Thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín 151/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 09-08-2019 - SCIE *IF: 1,252, Q2*	16	Vol 53, Part B, 191-197	09/2014

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([4] [5] [7] [14] [19] [22])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phần mềm trả kết quả xét nghiệm cho Bimedchip@Thalssemia Detection Kid.	Cục Bản Quyền Tác Giả	07/10/2020	Trần Tiến Dũng, Phạm Đức Tĩnh	2

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1 / [1;]

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo đại học theo tiêu chuẩn kiểm định ABET: Cử nhân Khoa học máy tính – 7480101	Chủ trì	Quyết định 1345/QĐ-ĐHCN, ngày 31/12/2020	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 387/QĐ-ĐHCN ngày 25/3/2025	Trưởng nhóm giai đoạn 1: chỉnh sửa chương trình theo chuẩn ABET (đã được ABET công nhận)
2	Chương trình đào tạo đại học: Cử nhân Công nghệ thông tin - 7480201	Tham gia	Quyết định 107/QĐ-ĐHCN, ngày 29/1/2021	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 688/QĐ-ĐHCN ngày 23/7/2021	Chỉnh sửa chương trình đào tạo
3	Chương trình đào tạo đại học: Cử nhân Công nghệ đa phương tiện - 7489001	Tham gia	Quyết định 518/QĐ-ĐHCN, ngày 26/5/2021	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 631/QĐ-ĐHCN ngày 7/7/2021	Mở mới ngành CNĐPT
4	Chương trình đào tạo Sau đại học: Thạc sĩ Hệ thống thông tin 8480104	Tham gia	Quyết định 116/QĐ-ĐHCN, ngày 19/1/2022	Quyết định 116/QĐ-ĐHCN, ngày 19/1/2022	Quyết định 496/QĐ-ĐHCN ngày 19/5/2022	Chỉnh sửa chương trình đào tạo
5	Chương trình đào tạo đại học: Cử nhân Kỹ thuật phần mềm - 7480103	Tham gia	Quyết định 308/QĐ-ĐHCN, ngày 22/3/2022	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 1058/QĐ-ĐHCN ngày 8/9/2022	Chỉnh sửa chương trình đào tạo
6	Chương trình đào tạo đại học: Cử nhân Hệ thống thông tin - 7480104	Tham gia	Quyết định 308/QĐ-ĐHCN, ngày 22/3/2022	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 1058/QĐ-ĐHCN ngày 8/9/2022	Chỉnh sửa chương trình đào tạo
7	Chương trình đào tạo đại học chuyên sâu đặc thù (bậc 7): Kỹ sư Công nghệ thông tin - 7480201	Tham gia	Quyết định 331/QĐ-ĐHCN, ngày 25/3/2022	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 185QĐ-ĐHCN ngày 17/02/2023	Mở mới Kỹ sư CNTT (Bậc 7)

8	Chương trình đào tạo đại học: Cử nhân An toàn thông tin - 7480202	Tham gia	Quyết định 1148/QĐ-ĐHCN, ngày 11/9/2023	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 215/QĐ-ĐHCN ngày 02/02/2024	Mở mới ngành ATTT

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 0 năm, 0 tháng
- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0 năm học/giờ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0 năm học/giờ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: 0 thay thế

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: 0 thay thế

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: 0 thay thế

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

TrƷn TiƸn Dǜng

Digitally signed by TrƷn TiƸn Dǜng
DN: cn=TrƷn TiƸn Dǜng c=VN o=Hanoi University of Industry ou=Faculty of Information Technology e=trantd.vn@gmail.com
Reason: Tran Tien Dzung
Location:
Date: 2025.06.26 16:49+07:00